**PHỤ LỤC**

**Diễn giải Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ rủi ro trong công tác tiêm phòng gia súc trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022-2030**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày /01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

**1. Nội dung phát sinh kinh phí khi sửa đổi Nghị quyết**

Kinh phí hỗ trợ cho người chăn nuôi có gia súc bị tiêu hủy do phản ứng với vắc xin sau khi tiêm phòng theo kế hoạch hàng năm và tiêm phòng khẩn cấp bao vây ổ dịch.

Kinh phí hỗ trợ những người có nhiệm vụ trực tiếp tham gia xử lý tiêu hủy gia súc bị chết do phản ứng với vắc xin sau tiêm phòng bệnh bắt buộc theo kế hoạch hàng năm và tiêm phòng khẩn cấp bao vây ổ dịch.

**2.** **Tổng dự kiến kinh phí cần thực hiện khi thực hiện Nghị quyết**

*2.1. Dự kiến kinh phí phát sinh 05 năm tiếp theo (2026-2030) là: 995.100.000 đồng (Chín trăm chin mươi năm triệu một trăm nghìn đồng), trong đó:*

- Kinh phí hỗ trợ chủ vật nuôi có gia súc bị tiêu hủy do phản ứng với vắc xin sau tiêm phòng bệnh bắt buộc theo kế hoạch hàng năm và tiêm phòng khẩn cấp bao vây ổ dịch là: 675.000.000 đồng:

- Kinh phí hỗ trợ lực lượng tham gia tiêu hủy gia súc bị chết do phản ứng với vắc xin sau tiêm phòng là 202.500.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ lực lượng thú y đi tiêm phòng chống phơi nhiễm với vi rút Dại là: 78.000.000 đồng;

- Kinh phí dự phòng là: 39.600.000 đồng.

*2.2. Số kinh phí chênh lệch phát sinh sau khi sử đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết 05 năm tiếp theo (2026-2030): 141.500.000 đồng, trong đó:*

- Kinh phí hỗ trợ chủ vật nuôi có gia súc bị tiêu hủy do phản ứng với vắc xin sau tiêm phòng bệnh bắt buộc theo kế hoạch hàng năm và tiêm phòng khẩn cấp bao vây ổ dịch là 51.500.000 đồng, cụ thể:

+ Hỗ trợ đối với chủ cơ sở chăn nuôi trâu, bò, ngựa, dê: 37.500.000 đồng

+ Hỗ trợ đối với chủ cơ sở chăn nuôi lợn: 14.000.000 đồng

- Kinh phí hỗ trợ những người có nhiệm vụ trực tiếp tham gia xử lý tiêu hủy gia súc bị chết do phản ứng với vắc xin sau tiêm phòng bệnh bắt buộc theo kế hoạch hàng năm và tiêm phòng khẩn cấp bao vây ổ dịch: 90.000.000 đồng.

**DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ RỦI RO SAU TIÊM PHÒNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*ĐVT: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đối tượng** | **Số vụ** | **Trọng lượng, số người** (kg, người) | **Thời gian thực hiện** (năm) | **Mức hỗ trợ theo Nghị định số 02/2017** (đồng) | **Mức hỗ trợ mới theo Nghị định số 116/2025** (đồng) | **Mức hỗ trợ chênh lệch** (đồng) | **Kinh phí dự kiến tăng** (đồng) | **Tổng kinh phí dự kiến phát sinh 2026-2030**  (đồng) | **Ghi chú** |
| **I** | **Kinh phí hỗ trợ chủ vật nuôi** | | | | | | | **51.500.000** | **675.000.000** |  |
| 1.1 | Trâu, bò, ngựa dê | 5 | 300 | 5 | 45.000 | 50.000 | 5.000 | 37.500.000 | 375.000.000 | Trâu, bò bình quân 05 con/năm x 300kg/con x 05 năm x 50.000 đồng/kg |
| 1.2 | Lợn | 20 | 70 | 5 | 38.000 | 40.000 | 2.000 | 14.000.000 | 280.000.000 | Lợn bình quân 20 con/năm x 70kg/con x 05 năm x 40.000 đồng/kg |
| 1.3 | Chó, mèo | 5 | 20 | 5 | 40.000 | 40.000 | - | - | 20.000.000 | Chó, mèo bình quân 05 con/năm x 20 kg/con x 05 năm x 40.000 đồng/kg |
| **II** | **Kinh phí hỗ trợ lực lượng tiêu hủy** | **25** | **5** | **5** |  |  |  | **90.000.000** | **202.500.000** | 25 vụ/năm x bình quân 1.620.000đ/vụ (05 người) x 5 năm |
| ***2.1*** | ***Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước*** |  |  |  |  |  |  | ***-*** | ***45.000.000*** |  |
| - | Hỗ trợ đối với ngày làm việc | 20 | 2 | 5 | 150.000 | 150.000 | - | - | 30.000.000 |  |
| - | Hỗ trợ đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết | 5 | 2 | 5 | 300.000 | 300.000 | - | - | 15.000.000 |  |
| ***2.2*** | ***Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước*** |  |  |  |  |  |  | ***-*** | ***157.500.000*** |  |
| - | Hỗ trợ đối với ngày làm việc | 20 | 3 | 5 | 150.000 | 400.000 | 250.000 | 75.000.000 | 120.000.000 |  |
| - | Hỗ trợ đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết | 5 | 3 | 5 | 300.000 | 500.000 | 200.000 | 15.000.000 | 37.500.000 |  |
| **3** | **Tiêm phòng phơi nhiễm với vi rút Dại** | **20** | **3** | **5** | **260.000** |  |  |  | **78.000.000** | Bình quân 20 người điều trị phơi nhiễm vi rút Dại/năm x 03 mũi tiêm x 05 năm (20 người chuyên môn chăn nuôi thú y thường xuyên thực hiện công tác tiêm phòng) |
| **4** | **Dự phòng chi phí khác** |  |  |  |  |  | **-** |  | **39.600.000** |  |
| **Tổng** | |  |  |  |  |  |  | **141.500.000** | **995.100.000** |  |